

Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoàn;
- Ông Trịnh Văn Lực.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2025; quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST ngày 11/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim T, sinh ngày 04/01/1980; thường trú: Số C khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh ngày 01/01/1978; thường trú: Số C khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Văn Q tự tìm hiểu một thời gian thì tiến đến kết hôn vào năm 2004, cả hai làm chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyền số 02/03

ngày 08/4/2004). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có sự đồng cảm trong việc giải quyết các vấn đề gia đình như công việc, cuộc sống. Bà T và ông Q đã cố gắng hàn gắn nhưng không khắc phục được. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

+ Về con chung: Bà T và ông Q có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 19/9/2004, Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 02/9/2008 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/6/2016. Con Kim T1 đã đủ 18 tuổi, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Mỹ D và Bảo N. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mỹ D và Bảo N 6.000.000 đồng/tháng 02 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngày 21/8/2025 bà T có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Q để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/7/2025; tham gia phiên tòa vào ngày 11/8/2025 và ngày 09/9/2025 nhưng ông Q vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản hồi trong việc yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Ngày 01/7/2025 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa bà T, ông Q tại Hội liên hiệp phụ nữ phường T và được cung cấp như sau: Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, bà T, ông Q không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thì vấn đề mâu thuẫn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa bà T, ông Q Hội liên hiệp phụ nữ phường không rõ vì không có thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nguyên đơn rút yêu cầu cấp dưỡng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Trương Thị Kim T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ các Điều 207, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Q có chứng nhận kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyền số 02/03 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/4/2004) nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Q.

[2.1] Xét, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc để đạt được mục đích trên vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Bà T xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông Q đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên tòa trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không thể hiện ý muốn hòa giải đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T, ông Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Q là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Bà T, ông Q có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 19/9/2004, Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 02/9/2008 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/6/2016. Con chung Nguyễn Thị Kim T1 đã trên 18 tuổi không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.1] Sau ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Mỹ D và Bảo N. Xét, quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Q vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con chung. Quá trình làm việc cháu Mỹ D, Bảo N có nguyện vọng ở cùng bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu D, N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình

[3.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2025 bà T yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000 đồng/tháng/02 con chung Nguyễn Thị Mỹ D và Nguyễn Thị Bảo N. Ngày 21/8/2025 bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với hai cháu D, N. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T trong việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Kim T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 217, 218, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Kim T về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q (giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyền số 02/03, do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/4/2004).

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 02/9/2008 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/6/2016 cho bà Trương Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Sau ly hôn, bà Trương Thị Kim T và ông Nguyễn Văn Q có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Bà T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Kim T về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) /tháng/02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 02/9/2008 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 12/6/2016.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008044 ngày 08/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND KV 16 -TP Hồ Chí Minh (1);
- Phòng THADS KV 16, TP Hồ Chí Minh (1);
- UBND phường Phước Tân (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: VT, HSVA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh